

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST

Ngày: 01/8/2022

*“V/v tranh chấp
chia di sản thừa kế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Văn Lầy

Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Trọng Di

2/ Bà Trần Thị Hà

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

-Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐST-DS, ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị A, sinh năm 1965; Địa chỉ: số 31 Nguyễn Siêu, phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Có mặt

2. Bị đơn: Ông Võ Hữu T, sinh năm 1988; Địa chỉ: số 29 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn L, huyện T, Bình Thuận; có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Thị Thanh H, sinh năm 1973; Địa chỉ: số 7 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn L, huyện T, Bình Thuận; vắng mặt

2/ Ông Võ Hữu C, sinh năm 1978; Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt

3/ Ông Võ Hữu T1, sinh năm 1980; Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

4/ Bà Võ Thị Ngọc H1, sinh năm 1982; Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt

5/ Bà Võ Thị Ngọc H2, sinh năm 1984; Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt

6/ Ông Phan Minh H3, sinh năm 1973 ; Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (chồng bà Võ Thị Hương); Có mặt

7/ Cháu Phan Minh Phúc H4, sinh năm 2008; Địa chỉ: số 29 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn L, huyện T, Bình Thuận (con bà Võ Thị H5, ông Phan Minh H3); Do ông Phan Minh H3 đại diện giám hộ.

8/ Ông Võ Minh, sinh năm 1967; Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị A trình bày: Cha bà là ông Võ V, sinh năm 1936 (mất năm 2020) và mẹ bà là bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1936 (mất năm 2009), ông bà sinh được 02 người, bà và em bà là ông Võ M, sau đó ông bà lấy mẹ ông Võ Hữu T sinh được 07 người con, chết 01 người, hiện còn 06 người: Ông Võ Hữu C, Võ Thị Thanh H, Võ Thị H5 (Đã chết năm 2020), Võ Hữu T1, Võ Thị Ngọc H1, Võ Thị Ngọc H2 và Võ Hữu T. Trước đây nội bà tạo lập ngoài căn nhà số 29 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn L, huyện T diện tích 282,1m² và 01 chiếc xe Super dream biển số 86B1 284.40 mà Tòa đã xét xử, ngoài ra còn 01 thửa đất tại khu dân cư Da Beo, thuộc khu phố 1, thị trấn L, diện tích 120m², đất này do UBND huyện T giao cho cha bà theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 29/7/2019. Do các chị em bà không thống nhất phân chia nên bà đại diện trong số chị em yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia quyền sử dụng diện tích đất trên, chia giá trị đất ai nhận đất thì hoàn tiền cho những người còn lại theo kỹ phần mà pháp luật quy định. Theo bà giá trị diện tích 120m² đất là 1.900.000.000đ (một tỷ chín trăm triệu đồng). Nguyên vọng của bà sẽ nhận đất và bà hoàn kỹ phần cho những người còn lại.

Bị đơn ông Võ Hữu T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 02/3/2022:

Theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị A mà Tòa án đã thụ lý, ông có ý kiến của như sau: Cha mẹ ông ngoài tạo lập căn nhà xây cấp 4 tại số 29 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn L, huyện T trước đây Tòa đã xét xử phân chia thì ông bà còn để lại 01 thửa đất tại khu dân cư Da Beo, thuộc khu phố 1, thị trấn L, diện tích 120m², đất này do UBND huyện T giao cho cha ông theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 29/7/2019. Ý kiến của bà A yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế diện tích đất này theo quy định pháp luật và đưa ra giá là 1,9 tỷ đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng), bà A xin nhận đất, bà A hoàn giá trị đất cho những người thừa kế còn lại.

Theo ông đối với việc yêu cầu phân chia thừa kế diện tích đất trên của bà A thì ông đồng ý, còn giá trị đất mà bà A đưa ra, ông không đồng ý và ông cũng không đưa ra giá hay đề nghị chọn cơ quan, tổ chức khác để thẩm định giá khác. Vì ông không có khả năng nhận đất để hoàn tiền cho những người còn lại. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Võ Hữu C trình bày: Cha mẹ ông ngoài tạo lập căn nhà xây cấp 4 tại số 29 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn L, huyện T trước đây Tòa đã xét xử phân chia thì ông bà còn để lại 01 thửa đất tại khu dân cư Da Beo, thuộc khu phố 1, thị trấn L, diện tích 120m², đất này do UBND huyện T giao cho cha ông theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 29/7/2019. Ý kiến của bà A yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế diện tích đất này theo quy định pháp luật và đưa ra giá là 1,9 tỷ đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng), bà A xin nhận đất và hoàn giá trị đất cho những thừa kế còn lại. Ông đồng ý theo yêu cầu của bà A.

Bà Võ Thị Ngọc H1 trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 06/6/2022: Cha mẹ bà ngoài tạo lập căn nhà xây cấp 4 tại số 29 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn L,

huyện T trước đây Tòa đã xét xử phân chia thì ông bà còn để lại 01 thửa đất tại khu dân cư Da Beo, thuộc khu phố 1, thị trấn L, diện tích 120m², đất này do UBND huyện T giao cho cha bà theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 29/7/2019. Ý kiến của bà A yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế diện tích đất này theo quy định pháp luật và đưa ra giá là 1,9 tỷ đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng), bà A xin nhận đất, bà A hoàn giá trị đất cho những người thừa kế còn lại theo pháp luật, bà đồng theo yêu cầu của bà A.

Bà Võ Thị Thanh H trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 21/3/2022 : Theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị A mà Tòa án đã thụ lý, tôi có ý kiến như sau : Cha mẹ bà ngoài tạo lập căn nhà xây cấp 4 tại số 29 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn L, huyện T trước đây Tòa đã xét xử phân chia thì ông bà còn để lại 01 thửa đất tại khu dân cư Da Beo, thuộc khu phố 1, thị trấn L, diện tích 120m², đất này do UBND huyện T giao cho cha bà theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 29/7/2019. Ý kiến của bà A yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế diện tích đất này theo quy định pháp luật và đưa ra giá là 1,9 tỷ đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng), bà A xin nhận đất, bà A hoàn giá trị đất cho những người thừa kế còn lại.

Theo bà đối với việc yêu cầu phân chia thừa kế diện tích đất trên của bà A thì bà đồng ý, còn giá trị đất mà bà A đưa ra, bà không đồng ý và bà cũng không đưa ra giá hay đề nghị chọn cơ quan, tổ chức khác để thẩm định giá khác. Vì bà không có khả năng nhận đất để hoàn tiền cho những người còn lại. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

Ông Phan Minh H3 trình bày: Ông là chồng bà Võ Thị H4 (Đã chết năm 2020), ông và bà H4 có 01 người con chung tên Phan Minh Phúc H4, sinh năm 2008. Theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị A mà Tòa án đã thụ lý, ông có ý kiến như sau : Được biết cha mẹ vợ ông ngoài tạo lập căn nhà xây cấp 4 tại số 29 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn L, huyện T trước đây Tòa đã xét xử phân chia thì ông bà còn để lại 01 thửa đất số 6 tại khu dân cư Da Beo, thuộc khu phố 1, thị trấn L, diện tích 120m², đất này do UBND huyện T giao. Ý kiến của bà A yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế diện tích đất này theo quy định pháp luật và đưa ra giá là 1,9 tỷ đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng), bà A xin nhận đất và hoàn giá trị đất cho những người thừa kế còn lại. Ông không có ý kiến gì. Nếu ông được chia phần của bà H5 thì ông xin nhận để lại phần đó cho con ông cháu H4. Ngoài ra ông không có ý kiến gì thêm.

Ông Võ Minh trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận : Bà Võ Thị A yêu cầu phân chia quyền sử dụng đất diện tích 120m² thửa đất số 6 tại khu dân cư Da Beo, thuộc khu phố 1, thị trấn L theo kỹ phần mà pháp luật quy định và bà A đưa ra giá trị đất 1.900.000.000đ, bà A nhận đất và hoàn giá trị đất cho những người còn lại. Ông đồng ý theo yêu cầu của bà A, phần của ông được nhận ông, ông tặng cho lại cho bà A. Ông cam kết sẽ không khiếu nại gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự
- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 5 Điều 26; Khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 650, khoản 1, 2 Điều 651 và Điều 652 Bộ Luật dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị A đối với ông Võ Hữu T về việc tranh chấp chia di sản thừa kế;

Giao cho bà Võ Thị A được nhận phần di sản là quyền sử dụng đất diện tích 120m², thửa số 06, khu Dân cư Da Beo, khu phố 1, thị trấn L, huyện T do UBND huyện T giao đất theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 cho ông Võ Văn.

Bà Võ Thị A có trách nhiệm hoàn lại giá trị bằng tiền cho ông Võ Hữu C, bà Võ Thị Thanh H, ông Võ Hữu T1, ông Võ Hữu T, bà Võ Thị Ngọc H1, bà Võ Thị Ngọc H2 mỗi người số tiền **279.233.333đ**.

Hoàn cho ông Võ M và cháu Phan Minh Phúc H4 mỗi người số tiền **111.693.333đ**

Tạm giao số tiền của Phan Minh Phúc H4 được hưởng cho ông Phan Minh H2 quản lý.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị di sản được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn ông Võ Hữu T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác như: ông Võ Minh xin vắng mặt, bà Võ Thị Thanh H, ông Võ Hữu T1 và bà Võ Thị Ngọc H2 vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, xét thấy lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án và người tham gia tố tụng khác đồng ý xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên tòa xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

Trong quá trình xác minh thu thập chứng cứ các đương sự đều xác định nguồn gốc diện tích 120m², thửa số 06, khu Dân cư Da Beo, khu phố 1, thị trấn L do cha mẹ của ông bà là ông Võ V, bà Nguyễn Thị Th tạo lập ông bà chết tài sản này chưa phân chia. Nay do chị em trong gia đình có sự mâu thuẫn không tự giải quyết phân chia được nên có làm đơn đề nghị Tòa xem xét giải quyết phân chia theo quy định pháp luật. Chứng tỏ, đây là việc kiện “Tranh chấp chia di sản thừa kế” là quan hệ pháp luật thuộc trường hợp tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ Luật Tố

tụng dân sự được điều chỉnh bởi pháp luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với diện tích 120m², thửa số 06, khu Dân cư Da Beo, khu phố 1, thị trấn L, huyện T do UBND huyện T giao đất theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 cho ông Võ Vân. Bà A xin nhận đất, bà sẽ hoàn giá trị đất cho 08 người còn lại theo kỷ phần mà pháp luật quy định, theo giá đất là 1.900.000.000đ (một tỷ chín trăm triệu đồng).

Bị đơn ông Võ Hữu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc H2 cũng xác nhận diện tích 120m², thửa đất số 06, khu Dân cư Da Beo, khu phố 1, thị trấn L, huyện T là một trong những di sản do cha mẹ ông bà để lại, ông bà đồng ý phân chia theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng ông bà không thống nhất giá đất nguyên đơn đưa ra và cũng không chọn cơ quan, tổ chức khác thẩm định giá để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác như bà Võ Thị Ngọc H1, ông Võ Hữu Cơ, ông Võ M đều xác nhận diện tích 120m² là của cha mẹ ông bà để lại và đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn đưa ra.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ và hợp pháp, trong quá trình thu thập chứng cứ, các đương sự không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Tòa án mà chỉ có nguyên đơn yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ như đề nghị Tòa án thành lập Hội đồng xem xét thẩm định và định giá đất, đồng thời yêu cầu Tổ chức thẩm định giá đất tranh chấp theo giá thị trường để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Xét nguồn gốc và cơ sở xác lập tài sản tranh chấp:

Diện tích 120m², thửa số 06, khu Dân cư Da Beo, khu phố 1, thị trấn L, huyện T các đương sự đều xác nhận đây là di sản của cha mẹ ông bà (ông Võ V, bà Nguyễn Thị Th) để lại chưa phân chia, đất này được UBND huyện T giao cho ông Vân theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 29/7/2019, diện tích đất này thuộc loại đất ở đô thị nằm trong khu dân cư cho nên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông V và bà Th chết để lại nên được xác định là di sản. Cho nên một các con ông V và bà Thh yêu cầu phân chia theo pháp luật là có cơ sở.

[4] Xét yêu cầu của đương sự :

Xét yêu cầu phân chia di sản thừa kế của nguyên đơn bà Võ Thị A, phía bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đa số đều đồng ý phân chia và thống nhất giá trị đất nguyên đơn đưa ra. Riêng bị đơn ông Võ Hữu T và người liên quan bà Võ Thị Ngọc H2 không thống nhất giá đất tranh chấp nguyên đơn đưa ra, nhưng ông bà không đưa ra chứng cứ để phản bác yêu cầu của nguyên đơn cũng như ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Đối với giá trị đất mà nguyên đơn bà Võ Thị A đưa ra 1.900.000.000đ, do các đương sự khác không đưa ra giá và cũng không yêu cầu Thẩm định giá theo thị trường. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Võ Thị A đề nghị Tòa án chọn cơ quan, tổ chức thẩm định giá theo giá thị trường, giá đất được Công ty thẩm định giá xác định là 2.010.480.000đ. Tuy nhiên các đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất lấy giá mà Công ty xác định để phân chia. Xét thấy, giá Công ty xác định cao hơn giá nguyên

đơn đưa ra, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự nên lấy giá 2.010.480.000đ để phân chia là phù hợp.

Việc nguyên đơn bà Võ Thị A xin nhận đất, các đương sự khác không ai có ý kiến gì. Vì vậy, giao cho bà Võ Thị A được quyền quản lý, sử dụng diện tích 120m² đất, bà A có trách nhiệm hoàn giá trị đất cho những người còn lại theo kỹ phần mà pháp luật quy định.

Xét kỹ phần các bên được nhận. Do các đương sự đều xác định đây là di sản chung cha mẹ ông bà (tức của ông Võ V, bà Nguyễn Thị Th) để lại. Xét thấy, mặc dù đất này UBND huyện giao cho ông V nhưng khi được hoán đổi đất thì nguồn gốc đất trước đó là do ông bà tạo lập, nếu bà Th còn sống tại thời điểm giao đất thì bà Th và ông V là đồng sở hữu chung, vậy đây được xác định là di sản chung của bà Th và ông V. Ông V và bà Th có 07 người gồm: ông Võ Hữu C, bà Võ Thị Thanh H, ông Võ Hữu T1, bà Võ Thị Ngọc H1, Võ Thị H5 (Đã chết), bà Võ Thị Ngọc H2 và ông Võ Hữu T. Ngoài ra ông V còn có 02 người con riêng: bà Võ Thị A và ông Võ M. Tuy nhiên, do bà H5 (con) chết trước ông V (cha) và chết sau bà Th (mẹ) nên bà H5 chỉ được hưởng phần của ông V do con bà H5 là cháu Phan Minh Phúc H4 được nhận, vì đây là hàng thừa kế thế vị quy định tại Điều 652 của Bộ Luật dân sự.

Như vậy, phần của ông Võ V và bà Nguyễn Thị Th mỗi người là 1.005.240.000đ (2.010.480.000đ : 2)

Phần của ông V được chia bằng nhau cho 09 người gồm : bà Võ Thị A, ông Võ M, ông Võ Hữu C, bà Võ Thị Thanh H, ông Võ Hữu T1, bà Võ Thị Ngọc H1, bà Võ Thị Ngọc H2 và ông Võ Hữu T và cháu Phan Minh Phúc H4 (con bà H5) mỗi người là 111.693.333đ (1.005.240.000đ : 9).

Phần của bà Th được chia bằng nhau cho 06 người gồm : ông Võ Hữu C, bà Võ Thị Thanh H, ông Võ Hữu T1, bà Võ Thị Ngọc H1, bà Võ Thị Ngọc H2 và ông Võ Hữu T mỗi người là 167.540.000đ (1.005.240.000đ : 6).

Giao phần của cháu H4 được nhận cho ông Phan Minh H3 tạm quản lý đến khi cháu H4 đủ tuổi trưởng thành thì giao lại cho cháu H3.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế. Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, đủ cơ sở khẳng định bà Võ Thị A khởi kiện về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Giao cho bà Võ Thị A được quyền quản lý, sử dụng diện tích 120m², thửa số 06, khu Dân cư Da Beo, khu phố 1, thị trấn L, huyện T do UBND huyện T giao ông Võ Vân theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 29/7/2019.

Bà Võ Thị A có trách nhiệm hoàn kỹ phần cho những người còn lại như đã phân tích ở trên.

[5] Về phần án phí: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần di sản mình được nhận.

[6] Về chi phí khác: Bà Võ Thị A đã tạm nộp chi phí định giá theo giá thị trường với số tiền 16.200.000đ. Do các yêu cầu của bên đương sự được chấp nhận

nên mỗi bên phải chịu chi phí khác theo quy định. Tuy nhiên bà A tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trên và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 650, 651 và Điều 652 Bộ Luật dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị A đối với ông Võ Hữu T về việc tranh chấp chia di sản thừa kế;

Giao cho Bà Võ Thị Anh được quyền quản lý, sử dụng diện tích 120m², thửa số 06, khu Dân cư Da Beo, khu phố 1, thị trấn L, huyện T do UBND huyện T giao ông Võ Văn theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 29/7/2019.

Bà Võ Thị A có trách nhiệm hoàn giá trị đất cho những người cụ thể như sau:

- Hoàn cho ông Võ Hữu T, ông Võ Hữu C, bà Võ Thị Thanh H, ông Võ Hữu T1, bà Võ Thị Ngọc H1, bà Võ Thị Ngọc H2 mỗi người số tiền **279.233.333đ** (hai trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

- Hoàn cho ông Võ M và cháu Phan Minh Phúc H4 mỗi người số tiền **111.693.333đ** (một trăm mười một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Phần của cháu H3 được nhận giao cho ông Phan Minh H3 tạm quản lý đến khi cháu H3 trưởng thành giao lại cho cháu H3.

Bà Võ Thị A tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn tiền.

[3] Về án phí:

Bà Võ Thị A, ông Võ Hữu Thương, ông Võ Hữu C, bà Võ Thị Thanh H, ông Võ Hữu T1, bà Võ Thị Ngọc H1, bà Võ Thị Ngọc H2 mỗi người phải nộp **13.960.000đ** (mười ba triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ M và cháu Phan Minh Phúc H4 mỗi người phải nộp **5.585.000đ** (năm triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà A đã tạm nộp **5.000.000đ** (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003164 ngày 09/12/ 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên bà A phải nộp thêm **585.000đ** (năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Phần án phí của cháu Phan Minh Phúc H4 do ông Phan Minh H3 đại diện giám hộ nộp thay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải hoàn trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai hoặc tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án ND tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

Lý Văn Lầy

